TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG VĂN** TỈNH HÀ GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 6 năm 2021
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG VĂN, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Giàng Mí Chớ**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lương Mãn Doanh**
2. Bà **Lương Thị Nhiễu**

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Đặng Văn Tình** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà*: Ông **Nguyễn Văn Cương** - Kiểm sát viên.

Ngày 03/6/2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-DS ngày 05/5/2021. Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-DS ngày 19/5/2021 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Vàng Thị M**, sinh năm 1983. Trú tại: Khu M, thị trấn B, huyện V, tỉnh Hà Giang. (có mặt).

2. *Bị đơn*: Anh **Giàng Chá P**, sinh năm 1981. Trú tại: Khu M, thị trấn B, huyện V, tỉnh Hà Giang. (có mặt).

* Phiên dịch tiếng Mông: Ông Giàng Mí Mua, sinh năm 1957; Địa chỉ: Tổ 7 Thị trấn Đồng Văn, huyện Đồng văn, tỉnh Hà Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai đề ngày 05/10/2020 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Vàng Thị M trình bày: Chị M kết hôn với anh Giàng Chá P từ năm 2004, trên cơ sở hai bên gia đình sắp đặt, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quan của địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân Anh P muốn có con trai nhưng chị M đẻ toàn con gái nên Anh P thường xuyên lợi dụng say rượu về chửi bới, đánh đập, đuổi chị M ra khỏi nhà. Sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã được hai

bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng Anh P chứng nào tật đó không có kết quả. chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị M quyết định viết đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Vàng Thị M và anh Giàng Chá P được ly hôn theo quy định. Tại phiên tòa hôm nay chị vẫn giữ nguyên ý kiến.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung là cháu Giàng Thị H, sinh ngày 05/7/2005; Giàng Thị S, sinh ngày 18/3/2007; Giàng Thị L, sinh ngày 08/08/2008; Giàng Thị G, sinh ngày 15/8/2010. Khi ly hôn chị M có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu Anh P cấp dưỡng nuôi con chung, Anh P được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M và Anh P tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 16/02/2021 của bị đơn, anh Giàng Chá P trình bày: Anh P thừa nhận việc kết hôn giữa anh và chị M khai trên là đúng, vợ chồng kết hôn trên cơ sở do hai bên gia đình và tổ chức phong tục tập quán của địa phương chưa đăng ký theo quy định của pháp luật. tại thời điểm đó là do nhận thức về pháp luật hạn chế nên không đi đăng ký kết hôn, nay chị M có đơn xin ly hôn tôi nhất trí ly hôn theo ý kiến của chị M, vì mâu thuẫn vợ chồng mới xảy ra hai năm gần đây. Anh thấy rằng việc xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng, không thể hàn gắn được, vợ chồng sống chung nhưng không có tình cảm yêu thương, chăm sóc nhau, chị M thường xuyên đi làm ăn xa. Khi trở về thì chị M không quan tâm gì đến gia đình chồng con nên anh nhận thấy bản thân cũng không còn tình cảm gì với chị M. Vì vậy tại phiên tòa hôm nay anh nhất trí ly hôn của chị M.

Về con chung: Tại phiên tòa Anh P khai xác nhận vợ chồng có 04 con chung, sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu, mặc dù các cháu có đơn trình bày ở với mẹ, nếu các cháu ở anh thì sau khi giải quyết xong, chị M không được ở tại nhà anh. Chị có các cháu được phép ở tại nhà anh, cháu Giàng Thị H, sinh ngày 05/7/2005; Giàng Thị S, sinh ngày 18/3/2007; Giàng Thị L, sinh ngày 08/08/2008; Giàng Thị G, sinh ngày 15/8/2010 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, anh yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung, chị M có quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Anh P và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các đơn trình bày nguyện vọng: Ngày 20/12/2020 của các cháu Giàng Thị H, Giàng Thị S, Giàng Thị L, Giàng Thị G đều có nguyện vọng ở với mẹ, vì mẹ là người thường xuyên chăm lo, gần gũi các cháu từ sinh hoạt và học hành hàng ngày. Đối với bố là người không biết thương yêu con, thường xuyên say rượu không quân tâm các con như mẹ.

Tại biên bản xác minh ngày 25/02/2021 tại UBND thị trấn Phố bảng xác định Anh P và chị M chung sống với nhau nhưng chưa đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn từ tháng 2/2020, nguyên nhân do anh P thường xuyên đi uống rượu chởi bới vợ con.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71,72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Về đường lối giải quyết: Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 5, khoản 4 Điều 147, 227, 228, 271 và khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016. Đề nghị tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vàng Thị M Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị M và anh Giàng Chá P.

2. Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Giao cho chị Vàng Thị M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Giàng Thị H, sinh ngày 05/7/2005; Giàng Thị S, sinh ngày 18/3/2007; Giàng Thị L, sinh ngày 08/08/2008; Giàng Thị G, sinh ngày 15/8/2010 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

4. Về án phí: Chị Vàng Thị M phải án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn Chị Vàng Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết việc xin ly hôn với anh Giàng Chá P là quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Hai người đều đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Khu M thị trấn B, huyện V, tỉnh Hà Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng văn theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị M và anh Giàng Chá P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2004 nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Quá trình chung sống đến năm 2016 thì giữa anh chị đã phát sinh mâu thuẫn và kéo dài từ đó cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không có con trai nên Anh P thay đổi tính cách, thường hay rượu chè say xỉn, chửi bới và đánh đập chị M, do đó chị M có đơn đề nghị Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh P, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị M thuộc trường hợp không công nhận quan hệ vợ chồng vì chính quyền địa phương cũng đã xác nhận thông tin về việc chị M và anh P không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng….*" Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị M với anh Psống chung với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn là có căn cứ và Anh P và chị M phát sinh nhiều mâu thuẫn trong một thời gian dài, nay cả hai xác định không muốn tiếp tục sống chung với nhau nữa nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, tuyên bố không công nhận Chị Vàng Thị M và anh Giàng Chá P là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Xét điều kiện thực tế và nguyện vọng của các cháu đều muốn ở cùng với mẹ; Quá trình xác minh ngày 25/02/2021 đối với tình trạng mâu thuẫn gia đình giữa chị Vàng Thị M và anh Giàng Chá P, Anh P thường xuyên uống rượu say về chửi bới vợ con do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Vàng Thị M và nguyên vọng của các cháu; giao các cháu Giàng Thị H, Giàng Thị S, Giàng Thị L, Giàng Thị G cho chị Vàng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M không yêu cầu Anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung: Hai anh, chị tự thỏa thuận, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị M phải nộp theo quy định của Pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 9, 14, 15, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326//UBTVQH14 ngày 30/12/016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 6/01/2016. Hướng dẫn thi hành một số quy định của luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự:

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Vàng Thị M và anh Giàng Chá P.

2. Về con chung: Giao các cháu Giàng Thị H, sinh ngày 05/7/2005; Giàng Thị S, sinh ngày 18/3/2007; Giàng Thị L, sinh ngày 08/08/2008; Giàng Thị G, sinh ngày 15/8/2010 cho chị Vàng Thị M trực tiếp chăm sóc, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vàng Thị M phải chịu án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ tại biên lai thu số: 02830 ngày 04/01/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang. chị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

" *Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

4. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 03/6/2021).

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Mãn Doanh - Lương Thị Nhiễu **Giàng Mí Chớ**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Đồng Văn;;
- UBND Thị trấn phố Bảng;
-Chi cục THA dân sự H.Đồng Văn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giàng Mí Chớ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

Lương Mãn Doanh - Lương Thị Nhiễu

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Giàng Mí Chớ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh H;
- VKSND huyện Đ;
- UBND Thị trấn Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

Giàng Mí Chớ